



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

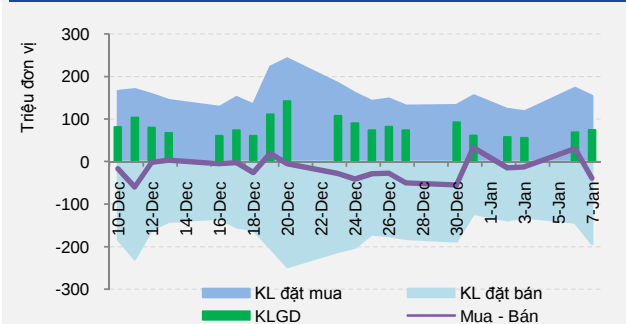
Phiên giao dịch ngày:

7/1/2014

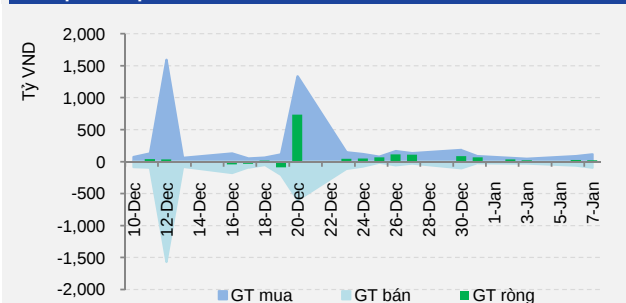
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	510.1	69.5
% Thay đổi	↑ 0.2%	↑ 0.9%
KLGD (CP)	74,363,638	43,255,194
GTGD (tỷ đồng)	1,180.75	405.15
Tổng cung (CP)	192,865,230	93,141,900
Tổng cầu (CP)	154,479,760	77,723,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,447,770	238,793
KL mua (CP)	3,869,560	1,899,700
GTmua (tỷ đồng)	114.30	19.95
GT bán (tỷ đồng)	91.32	5.83
GT ròng (tỷ đồng)	22.97	14.12

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.89%	7.2	1.6	1.9%
Công nghiệp	↓ -0.16%	262.5	1.2	18.1%
Dầu khí	↑ 2.26%	8.0	1.5	4.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.50%	14.5	2.0	3.4%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.31%	9.0	2.9	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.22%	12.2	4.9	17.5%
Ngân hàng	↑ 1.76%	10.9	1.3	10.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.28%	10.5	2.1	6.8%
Tài chính	↓ -0.13%	17.3	2.4	28.9%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.04%	9.2	3.3	7.2%
VN - Index	↑ 0.20%	12.1	2.9	75.3%
HNX - Index	↑ 0.94%	17.6	1.7	24.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	856,380	1.3%	766,780	1.1%
GTGD (tỷ VND)	21,322	2.3%	17,091	1.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Diễn biến tăng giá khá mạnh của nhóm cổ phiếu Ngân hàng sau Quyết định nới room đối với nhà đầu tư chiến lược đã tác động tích cực đến thị trường chung. Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Tuy nhiên, áp lực cung giá cao đã tăng khá mạnh trong phiên giao dịch chiều, khi VN-Index tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm, đẩy chỉ số Index đóng cửa sát với mức thấp nhất trong phiên. Chỉ số VN-Index vẫn trong xu hướng dao động hẹp trong kênh giá đã thiết lập từ cuối tháng 10/2013, với hai ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 513 điểm, tương đương mốc đỉnh gần nhất đã thiết lập, và đường biên trên của kênh tăng giá. Tâm lý giao dịch theo kênh giá, bán ra khi chỉ số Index tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật, chờ mua lại khi thị trường điều chỉnh là phù hợp và đang diễn ra phổ biến.

Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản tương đương phiên giao dịch trước. Tuy nhiên độ rộng thị trường đã thu hẹp, đã tăng phần lớn được hỗ trợ nhờ nhóm cổ phiếu Ngân hàng, dầu khí, chứng khoán. Chỉ số HNX-Index vẫn đang dao động trong kênh tăng giá mạnh đã thiết lập từ nửa cuối tháng 9/2013. Với phiên tăng điểm hôm nay, HNX-Index đã tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh giá, tương đương khoảng 69.5-70 điểm. Thực tế áp lực cung giá cao đã tăng lên khi HNX-Index chạm đường biên trên của kênh giá, dù mức độ chưa nhiều.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, thể hiện ở yếu tố thanh khoản thấp, chúng tôi duy trì quan điểm hai chỉ số Index trong ngắn hạn khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

- VN-Index tăng 1.02 điểm (0.20%), lên 510.12 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 513.0 điểm.

- HNX-Index tăng 0.64 điểm (0.93%), lên 69.47 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 69.67 điểm.

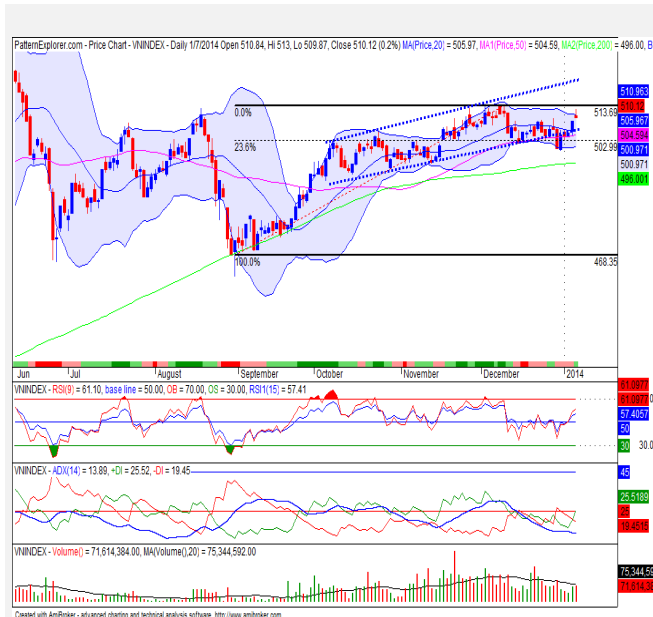
- Ngày 3/1/2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01, tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài tại một TCTD Việt Nam lên 20%, từ mức 15% đang áp dụng hiện nay. Nghị định cũng nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư tổ chức nước ngoài và các cá nhân liên quan tại một TCTD từ 15% trước đây lên 20%. Tỷ lệ sở hữu tối đa của NĐTNN tại TCTD vẫn duy trì ở mức 30%, trừ trường hợp tại các NHTMCP yếu kém. Việc ban hành Nghị định được đánh giá tích cực trong bối cảnh Việt Nam đang ưu tiên thu hút nguồn lực đầu tư ngoài Nhà nước, đặc biệt là từ NĐTNN phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế.

- Kết quả giải ngân gói tín dụng hỗ trợ nhà ở trị giá 30 nghìn tỷ đồng có diễn biến cải thiện tích cực trong tháng cuối năm. Tính đến hết ngày 31/12/2013, hệ thống Ngân hàng đã cam kết cho 13 doanh nghiệp và 1,764 khách hàng cá nhân vay với tổng số tiền 1,759 tỷ đồng, đã giải ngân 304 tỷ đồng cho 7 doanh nghiệp, 428.5 tỷ đồng cho 1,750 khách hàng cá nhân. Trong tháng 12/2013, số tiền giải ngân đã tăng hơn 270 tỷ đồng, gấp 7 lần tốc độ giải ngân trong tháng 6 và tháng 7.

- Theo phó chủ tịch VAMC, kế hoạch năm 2014, VAMC sẽ tiếp tục mua thêm khoảng 70,000-100,000 tỉ đồng nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt. Số liệu này thấp hơn kế hoạch dự kiến 100-150 nghìn tỷ đồng nợ xấu VAMC sẽ giải quyết trong năm 2014, theo NHNN công bố. Như vậy có khả năng khoảng chênh lệch sẽ được thực hiện mua nợ theo giá thị trường, bán lại cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ngoài việc mua lại nợ, nhiệm vụ trọng tâm của VAMC trong năm 2014 sẽ là bán và xử lý nợ.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 1.02 điểm (0.20%), lên 510.12 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 513.0 điểm.

- KLGD tăng 5% so với phiên trước, lên 71 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 57.7 điểm, động lực thị trường tiếp tục cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Diễn biến tăng giá khá mạnh của nhóm cổ phiếu Ngân hàng sau Quyết định nới room đối với nhà đầu tư chiến lược đã tác động tích cực đến thị trường chung. Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Tuy nhiên, áp lực cung giá cao đã tăng khá mạnh trong phiên giao dịch chiều, khi VN-Index tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm, đẩy chỉ số Index đóng cửa sát với mức thấp nhất trong phiên.

Chỉ số VN-Index vẫn đang dao động trong kênh giá đã thiết lập từ cuối tháng 10/2013, với hai ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 513 điểm, tương đương mốc đỉnh gần nhất đã thiết lập và đường biên trên của kênh tăng giá. Tâm lý giao dịch theo kênh giá, bán ra khi chỉ số Index tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật, chờ mua lại khi thị trường điều chỉnh là phù hợp và đang diễn ra phổ biến.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, thể hiện ở yếu tố thanh khoản thấp, chúng tôi duy trì quan điểm chỉ số VN-Index trong ngắn hạn khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.64 điểm (0.93%), lên 69.47 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 69.67 điểm.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, ở mức 40 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 75 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, chỉ báo quay trở lại xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản tương đương phiên giao dịch trước. Tuy nhiên độ rộng thị trường đã thu hẹp, đã tăng phần lớn được hỗ trợ nhờ nhóm cổ phiếu Ngân hàng, dầu khí, chứng khoán.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang dao động trong kênh tăng giá mạnh đã thiết lập từ nửa cuối tháng 9/2013. Với phiên tăng điểm hôm nay, HNX-Index đã tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật đường biên trên của kênh giá, tương đương khoảng 69.5-70 điểm. Thực tế áp lực cung giá cao đã tăng lên khi HNX-Index chạm đường biên trên của kênh giá, dù mức độ chưa nhiều.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, thể hiện ở yếu tố thanh khoản thấp, chỉ số HNX-Index trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

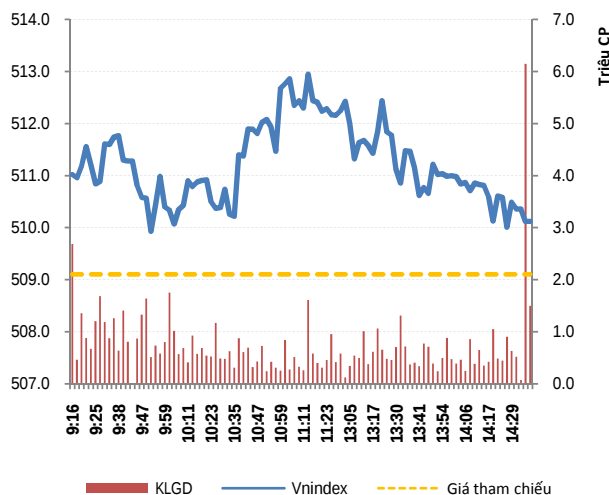
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

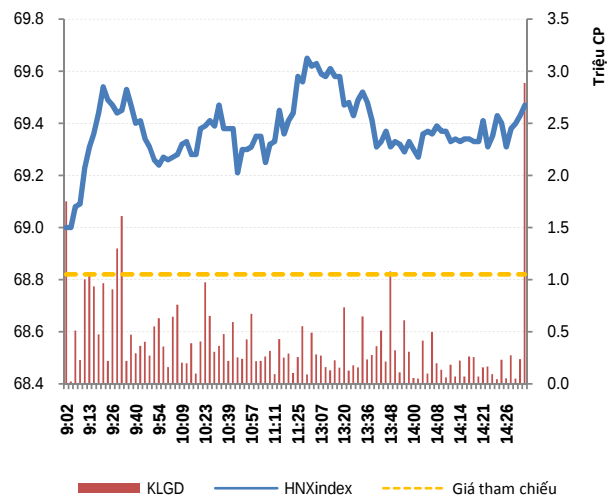
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



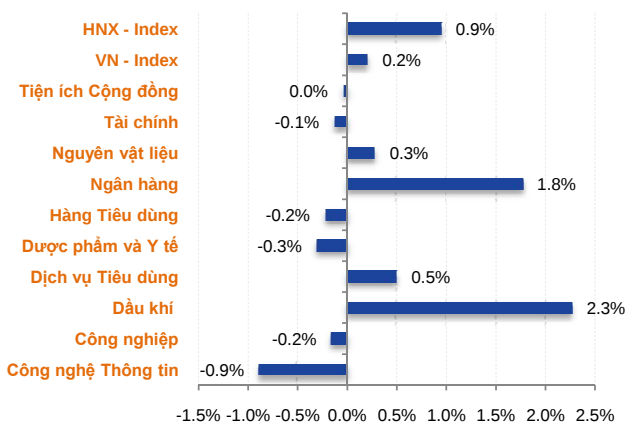
KLGD và VN-Index trong phiên



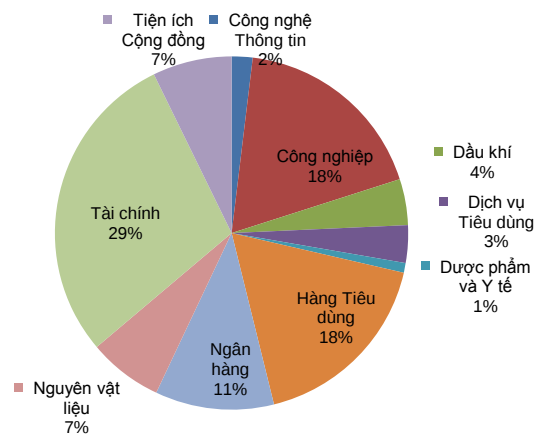
KLGD và HNX-Index trong phiên



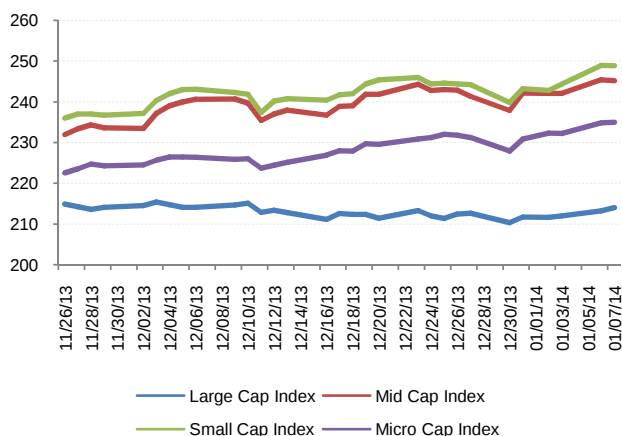
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



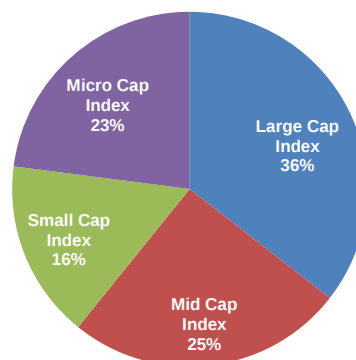
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	211,240	SSI	743,270
2	GMD	174,510	PXT	190,000
3	VSH	157,510	PET	97,000
4	TDH	149,210	DIG	96,480
5	PPC	133,950	ITA	91,720

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	781,000	TCT	16,500
2	VND	609,500	CVT	10,000
3	PVS	108,500	VCS	10,000
4	KHB	40,000	TNG	9,000
5	HPC	30,000	SHN	6,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	9.4	9.4	→ 0.00%	4,770,390
ITA	6.6	6.5	↓ -1.52%	3,248,718
VHG	8.1	8.2	↑ 1.23%	3,244,420
HQC	8.0	7.8	↓ -2.50%	2,470,690
DLG	5.4	5.4	→ 0.00%	2,394,370

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	3.4	3.3	↓ -2.79%	6,653,350
SHB	6.8	6.9	↑ 1.59%	4,314,153
KLS	8.9	9.1	↑ 1.70%	3,886,060
SCR	7.8	7.8	↓ -0.08%	2,637,939
KLF	14.6	15.0	↑ 2.64%	2,430,800

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.3	1.4	0.1	↑ 7.69%
TCO	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
KAC	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
VOS	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
SZL	18.0	19.2	1.2	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
HHL	2.0	2.2	0.2	↑ 9.95%
VE2	4.1	4.5	0.4	↑ 9.76%
BHC	2.0	2.2	0.2	↑ 9.65%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	46.8	43.6	-3.2	↓ -6.84%
HAI	23.6	22.0	-1.6	↓ -6.78%
PDR	16.5	15.4	-1.1	↓ -6.67%
THG	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
LGC	12.1	11.3	-0.8	↓ -6.61%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
INC	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%
BHT	6.2	5.6	-0.6	↓ -9.68%
LO5	4.2	3.8	-0.4	↓ -9.45%
SRA	3.2	2.9	-0.3	↓ -9.38%
MCO	3.2	2.9	-0.3	↓ -9.34%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	4,770,390	6.3%	990	9.5	0.6
ITA	3,248,718	0.2%	26	252.2	0.6
VHG	3,244,420	15.8%	1,635	5.0	0.7
HQC	2,470,690	4.2%	452	17.3	0.7
DLG	2,394,370	0.2%	21	253.8	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	6,653,350	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SHB	4,314,153	17.1%	1,884	3.7	0.6
KLS	3,886,060	6.4%	810	11.2	0.7
SCR	2,637,939	-1.1%	(160)	-	0.5
KLF	2,430,800	5.8%	880	17.0	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 7.7%	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
TCO	↑ 7.0%	16.2%	2,047	6.0	1.0
KAC	↑ 6.8%	0.2%	23	404.7	0.8
VOS	↑ 6.8%	-5.8%	(539)	-	0.5
SZL	↑ 6.7%	11.4%	3,202	6.0	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
HHL	↑ 9.9%	-262.3%	(3,431)	-	3.6
VE2	↑ 9.8%	6.4%	697	6.5	0.4
BHC	↑ 9.7%	-59.4%	(1,518)	-	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	211,240	9.8%	1,757	15.8	1.5
GMD	174,510	4.3%	1,729	19.8	0.9
VSH	157,510	7.7%	963	15.5	1.2
TDH	149,210	1.9%	663	21.4	0.4
PPC	133,950	39.7%	6,105	4.3	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	781,000	17.1%	1,884	3.7	0.6
VND	609,500	10.9%	1,305	8.0	0.8
PVS	108,500	17.3%	2,872	7.8	1.3
KHB	40,000	-1.8%	(273)	-	0.2
HPC	30,000	-2.9%	(201)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	126,965	40.9%	6,696	10.0	3.8
VNM	112,518	40.5%	8,053	16.8	6.7
VCB	64,192	9.8%	1,757	15.8	1.5
VIC	64,065	47.1%	6,710	10.5	3.9
CTG	61,436	16.0%	2,287	7.2	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,652	7.5%	1,027	15.5	1.1
PVS	9,961	17.3%	2,872	7.8	1.3
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,114	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,500	5.9%	687	40.0	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.55	12.5%	1,402	6.3	0.8
PXM	3.62	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
IJC	2.91	2.0%	212	43.3	0.9
VPH	2.79	4.3%	626	13.6	0.5
SJS	2.67	-9.2%	(1,433)	-	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	8.24	-0.2%	(21)	-	0.4
NVC	5.55	442.9%	(8,371)	-	(0.4)
BKC	5.27	-30.3%	(3,745)	-	1.3
PFL	4.57	-16.1%	(1,522)	-	0.3
HHL	4.28	-262.3%	(3,431)	-	3.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)